

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRUNG TÂM GIÁO DỤC KỸ THUẬT TỔNG HỢP VÀ HƯỚNG NGHIỆP  
LÊ THỊ HỒNG GẮM

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2-NĂM HỌC: 2023-2024  
MÔN: TIẾNG ANH - LỚP 12, THỜI GIAN: 60 PHÚT

Thời gian/câu trắc nghiệm/tự luận

0.8

0.8

1

1

1.2

1.2

1.5

1.5

| S<br>T<br>T | NỘI DUNG KIẾN THỨC | ĐƠN VỊ KIẾN THỨC                               | CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC |           |       |           |            |           |       |           |          |           |       |           |              |           |       |           | Tổng số câu |       | Tổng thời gian |
|-------------|--------------------|------------------------------------------------|-------------------------------|-----------|-------|-----------|------------|-----------|-------|-----------|----------|-----------|-------|-----------|--------------|-----------|-------|-----------|-------------|-------|----------------|
|             |                    |                                                | NHẬN BIẾT                     |           |       |           | THÔNG HIỂU |           |       |           | VẬN DỤNG |           |       |           | VẬN DỤNG CAO |           |       |           | ch TN       | ch TL |                |
|             |                    |                                                | ch TN                         | Thời gian | ch TL | Thời gian | ch TN      | Thời gian | ch TL | Thời gian | ch TN    | Thời gian | ch TL | Thời gian | ch TN        | Thời gian | ch TL | Thời gian |             |       |                |
| 1           | Ngữ Âm             | Phát âm (nguyên âm, phụ âm, đuôi ed hoặc s/es) | 3                             | 2.4       |       | -         |            | -         |       | -         |          | -         |       | -         |              | -         |       | -         | 3           | 0     | 2.4            |
|             |                    | Trọng âm (2 âm, 3 âm tiết)                     | 2                             | 1.6       |       | -         |            | -         |       | -         |          | -         |       | -         |              | -         |       | -         | 2           | 0     | 1.6            |
| 2           | Ngữ pháp - Từ vựng | Ngữ pháp                                       | 6                             | 4.8       |       | -         | 5          | 5.0       |       | -         | 4        | 4.8       |       | -         |              | -         |       | -         | 15          | 0     | 14.6           |
|             |                    | Từ vựng                                        | 4                             | 3.2       |       | -         |            | -         |       | -         | 4        | 4.8       |       | -         | 3            | 4.5       |       | -         | 11          | 0     | 12.5           |
|             |                    | Từ đồng nghĩa                                  |                               | -         |       | -         | 2          | 2.0       |       | -         |          | -         |       | -         |              | -         |       | -         | 2           | 0     | 2              |
|             |                    | Từ trái nghĩa                                  |                               | -         |       | -         | 2          | 2.0       |       | -         |          | -         |       | -         |              | -         |       | -         | 2           | 0     | 2              |
|             |                    | Tìm lỗi sai                                    | 3                             | 2.4       |       | -         |            | -         |       | -         |          | -         |       | -         |              | -         |       | -         | 3           | 0     | 2.4            |
| 3           | Kỹ năng đọc        | Đọc hiểu và điền khuyết                        | 2                             | 1.6       |       | -         | 3          | 3.0       |       | -         |          | -         |       | -         |              | -         |       | -         | 5           | 0     | 4.6            |
|             |                    | Đọc hiểu và trả lời câu hỏi                    |                               | -         |       | -         | 3          | 3.0       |       | -         |          | -         |       | -         | 2            | 3.0       |       | -         | 5           | 0     | 6              |
| 4           | Kỹ năng giao tiếp  | Chọn câu hỏi/đáp phù hợp ngữ cảnh              |                               | -         |       | -         |            | -         |       | -         | 2        | 2.4       |       | -         |              | -         |       | -         | 2           | 0     | 2.4            |
| TỔNG        |                    |                                                | 20                            | 16        | 0     | 0         | 15         | 15        | 0     | 0         | 10       | 12        | 0     | 0         | 5            | 7.5       | 0     | 0         | 50          | 0     | 50.5           |
| TỈ LỆ       |                    |                                                | 40%                           |           |       |           | 30%        |           |       |           | 20%      |           |       |           | 10%          |           |       |           |             |       |                |
| TỔNG ĐIỂM   |                    |                                                | 4                             |           |       |           | 3          |           |       |           | 2        |           |       |           | 1            |           |       |           |             |       |                |



| Tỉ lệ %<br>(sau cân chỉnh) | Số điểm cân chỉnh | Tổng số câu TN | Tổng số câu TL | Chú ý |
|----------------------------|-------------------|----------------|----------------|-------|
| 6%                         | 0.6               | 3              | 0              |       |
| 4%                         | 0.4               | 2              | 0              |       |
| 30%                        | 3                 | 15             | 0              |       |
| 22%                        | 2.2               | 11             | 0              |       |
| 4%                         | 0.4               | 2              | 0              |       |
| 4%                         | 0.4               | 2              | 0              |       |
| 6%                         | 0.6               | 3              | 0              |       |
| 10%                        | 1                 | 5              | 0              |       |
| 10%                        | 1                 | 5              | 0              |       |
| 4%                         | 0.4               | 2              | 0              |       |
| 100%                       | 10                | 50             | 0              |       |
|                            |                   | 100%           | 0%             |       |
| 10.00                      |                   |                |                |       |

